

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HC-ST
Ngày 22-7-2024
V/v Khiếu kiện Quyết định xử phạt
vi phạm hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Việt Kiều

2/ Ông Đỗ Nguyễn Văn Duy Linh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Ngọc Loan - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*
Ông Trần Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 14/2024/TLST-HC ngày 01 tháng 3 năm 2024, về việc: “*Khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-HC ngày 12 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Minh K, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số E, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt)

+ *Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị Kim T (Ngoài), sinh năm 1981. Địa chỉ: Số E, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang đại diện theo Giấy ủy quyền được Văn phòng C1, công chứng có số công chứng 629, quyền số 01/2024-SCC/ CK, ĐC, ngày 27/6/2024 (Có mặt)

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

+ *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Cù Minh T1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C

Trụ sở: Số H đường N, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang

2.1. *Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C:* Bà Lê Trần Minh H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đại diện theo Quyết định ủy quyền số 201/QĐ-UBND ngày 27/02/2024, V/v Ủy quyền tham gia tố tụng trong vụ án dân sự và vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân các cấp. (Có văn bản yêu cầu vắng mặt)

2.2. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Nguyễn Phước T2- Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C theo xác nhận số 05/XN-TDS ngày 08/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Phần trình bày của bà Nguyễn Thị Kim T là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Trần Minh K tại phiên tòa thể hiện nội dung:* Khoảng năm 2002, ông Trần Minh K được biết Ủy ban nhân dân xã M đang quản lý phần diện tích đất trống tại khu vực ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Do, gia đình ông K có nhu cầu về nhà ở và sử dụng đất nên có liên hệ với Ủy ban nhân dân xã M để xin cư trú trên phần diện tích 150 m² đất (ngang 7,5m, dài 20m) thì được Ủy ban nhân dân xã M đồng ý. Ông K có nộp cho Ủy ban nhân dân xã M số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) tiền sử dụng đất.

Ông K đã tiến hành xây dựng căn nhà trên toàn bộ diện tích đất được Ủy ban nhân dân xã M cho cư trú diện tích 150 m² đất (ngang 7,5m, dài 20m) và được Công an xã M cấp Sổ hộ khẩu vào ngày 04/4/2006, số nhà B, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Trong sổ hộ khẩu có 03 người gồm: ông K là chủ hộ, Nguyễn Thị Kim T là vợ ông khánh và con ông K là Trần Khánh D.

Đến ngày 18/01/2024, ông K được Ủy ban nhân dân huyện C tổng đạt Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 61/QĐ-XPHC ngày 18/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. Nội dung Xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Minh K đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Lấn, chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn với diện tích 64,1 m² thuộc khu đất công (đất sân vận động M1), tờ bản đồ số 45, thửa số 77, đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. (Vị trí và hình thể khu đất theo bản vẽ trích đo hiện trạng do Văn phòng Đ Chi nhánh C2 lập ngày 30/11/2023) theo quy định tại điểm a khoản 4, Điều 14 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Bị áp dụng hình thức xử phạt chính: Phạt tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*); Hình thức xử phạt bổ sung: không; Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông Trần Minh K khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại diện tích 64,1m đất đã lấn, chiếm tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (Vị trí và hình thể khu đất theo bản vẽ trích đo hiện trạng do Văn phòng Đ Chi nhánh C2 lập ngày 30/11/2023) theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Buộc ông Trần Minh K nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính là 2.197.714 đồng (*Hai triệu một trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm mười bốn đồng*) theo quy

định tại điểm d khoản 7 Điều 14 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ và khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ. Thời hạn thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định này. Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do ông Trần Minh K bị xử phạt có tên tại Điều này chi trả.

Nhận thấy, gia đình ông K được Ủy ban nhân dân xã M giao đất, có thu tiền sử dụng đất từ năm 2002, ông K có nộp cho Ủy ban nhân dân xã M số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) tiền sử dụng đất nhưng đến nay thời gian quá lâu nên ông K không còn lưu giữ biên nhận tiền. Do, phần đất ông K ở tại thời điểm này là đất trống, ông K khai mở và không thuộc phần diện tích đất công. Khi ông K đến ở thì đã được chính quyền địa phương đồng ý và khi ông K nhận đất quản lý, sử dụng thì chính quyền địa phương đồng ý nhưng chính quyền địa phương không có ra quyết định giao đất cho ông K. Gia đình ông K cư trú ổn định tại số B, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang từ năm 2022 đến nay, có nộp tiền sử dụng đất, không bị xử phạt và được cấp sổ hộ khẩu theo quy định đến ngày 18/01/2024 thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C xử phạt vi phạm hành chính đối với ông K là chưa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình làm việc với chính quyền địa phương ông K không có nhận được Biên bản vi phạm hành chính mà chỉ nhận Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 61/QĐ-XPHC ngày 18/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C nên không có biên bản vi phạm hành chính cung cấp cho Tòa án

Trước đây ông Trần Minh K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 61/QĐ-XPHC ngày 18/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C

Tại phiên tòa hôm nay, bà T đại diện cho ông K xác định rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông Trần Minh K khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại diện tích 64,1m² đất đã lấn, chiếm tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (Vị trí và hình thể khu đất theo bản vẽ trích đo hiện trạng do Văn phòng Đ Chi nhánh C2 lập ngày 30/11/2023) theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ thì ông K sẽ chấp hành và thực hiện trả lại diện tích đất này cho ủy ban xã

Nay, xác định ông K chỉ còn khởi kiện đối với hình thức xử phạt chính là phạt tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) và biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông Trần Minh K nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính là 2.197.714 đồng (*Hai triệu một trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm mười bốn đồng*) theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 14 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ và khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 61/QĐ-UBND ngày 18/01/2024

** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C vắng mặt nhưng có văn bản số 492/UBND-NC ngày 18/3/2024 v/v ý kiến trong vụ án hành chính theo đơn khởi kiện của ông Trần Minh K, thể hiện nội dung:*

Căn cứ Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 22/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh A về việc giao đất công cho Ủy ban nhân dân xã M để quản lý. Qua đó, khu đất công (đất sân vận động M1) được Ủy ban nhân dân tỉnh A giao cho Ủy ban nhân dân xã M quản lý có tổng diện tích là 10.482,8m², thuộc tờ bản đồ 45, thửa số 77 tại ấp M, xã M. Khu đất này được quy hoạch làm đất cơ sở thể dục thể thao.

Ngày 13/11/2023, Tổ kiểm tra theo Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của Ủy ban nhân dân xã M đã kiểm tra hiện trạng sử dụng đất tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Qua kiểm tra đã phát hiện trên phần đất sân vận động M1, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, thửa đất số 77, tờ bản đồ số 45, diện tích 10.482,8m², mục đích sử dụng đất cơ sở thể dục thể thao (khu đất được Ủy ban nhân dân tỉnh A giao cho Ủy ban nhân dân xã M quản lý theo Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 22/8/2012) có một phần của căn nhà của ông Trần Minh K, sinh năm 1977 ngụ ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang đã xây dựng lán, chiếm đất sân vận động M1 với diện tích là 64,1m², trong đó có phần diện tích 11,27m² (ngang 1,67m, dài 6,75m) đã xây dựng nhà, cuốn nền bê tông, vách tole, mái tole và phần diện tích 52,83m² đất trống ông Trần Minh K đã rào lưới B40 xung quanh. (Vị trí và hình thể khu đất theo bản vẽ trích đo hiện trạng do Văn phòng Đ Chi nhánh C2 lập ngày 30/11/2023)

Phần còn lại của căn nhà có diện tích 85,5m² là đất ông Trần Minh K đang sử dụng không thuộc phạm vi đất công Ủy ban nhân dân xã M quản lý theo Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 22/8/2012 của UBND tỉnh A. Qua rà soát dữ liệu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thì phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi có bản vẽ trích đo hiện trạng do Văn phòng Đ Chi nhánh C2 lập, Ủy ban nhân dân xã M đã tiến hành mời ông Trần Minh K đến để làm việc nhưng phía ông K không đến.

Sau đó, Ủy ban nhân dân xã M đến khu đất của ông Trần Minh K và tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 06/BB-VPHC ngày 05/01/2024 trong lĩnh vực đất đai đối với ông Trần Minh K đã có hành vi vi phạm hành chính như sau: vào lúc 14 giờ 30 phút, ngày 13 tháng 11 năm 2023, tại khu đất huyện C, tỉnh An Giang đã có hành vi sử dụng lán, chiếm là 64,1m² (đã xây dựng nhà diện tích 11,27m² ngang 1,67m, dài 6,75m, phần diện tích còn lại là đất trống đã rào lưới B40 xung quanh diện tích 52,83m²). Đối với phần diện tích 11,27m² đã được ông K cuốn nền bê tông vào năm 2002. Đến năm 2016, ông K thực hiện lợp mái tole, dựng vách tole trên phần nền đã cuốn. Phần diện tích 52,83m² đất trống đã được rào lưới B40 xung quanh vào năm 2016.

Ông Trần Minh K có mặt nhưng không hợp tác, không ký và không nhận biên bản vi phạm hành chính. Ủy ban nhân dân xã M đã lập Biên bản vi phạm

hành chính với sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn C (Trưởng ấp M) và ông Bùi Văn L (người dân địa phương, nghề nghiệp làm ruộng). Đồng thời, Ủy ban nhân dân xã M đã thực hiện niêm yết công khai và kết thúc công khai biên bản vi phạm hành chính tại nhà ông Trần Minh K và tại Văn phòng ấp M, thời gian niêm yết 07 ngày từ ngày 05/01/2024 đến hết ngày 11/01/2024 (có biên bản niêm yết và biên bản kết thúc niêm yết kèm theo). Sau đó, do vượt thẩm quyền xử phạt, Ủy ban nhân dân xã M đã chuyển hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân huyện C ra quyết định xử phạt hành chính đối với ông Trần Minh K.

Sau khi xem xét các hồ sơ, pháp lý liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 61/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 xử phạt vi phạm hành chính ông Trần Minh K đối với hành vi vi phạm hành chính Lấn, chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn với diện tích 64,1m² thuộc khu đất công (đất sân vận động M1) tờ bản đồ 45, thửa số 77, đất tọa lạc tại ấp M, xã M, hiện trạng do Văn Phòng Đ chi nhánh C2 lập ngày 30/11/2023). Quy định tại Điểm a khoản 4 Điều 14 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. UBND xã M đã thực hiện tổng đạt Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Qua đó, Ủy ban nhân dân huyện C nhận thấy về trình tự ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 61/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Mặt khác, việc ông K cho rằng gia đình ông K được Ủy ban nhân dân xã M giao đất, có thu tiền sử dụng đất từ năm 2002 thì khi Ủy ban nhân dân xã M đến làm việc và lập biên bản thì ông K không xuất trình được các ngành chuyên môn xác định trên cơ sở Quyết định giao đất công của Ủy ban nhân dân tỉnh A tại Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 22/8/2012 (có kèm theo hồ sơ kỹ thuật khu đất) và bản vẽ trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đ chi nhánh C2 lập ngày 30/11/2023.

Từ những tình tiết trên nhận thấy việc ông Trần Minh K khởi kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và yêu cầu Tòa án hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 61/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là không có cơ sở, Ủy ban nhân dân huyện C không đồng ý hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 61/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa:

+ Bà Nguyễn Thị Kim T là người đại diện theo ủy quyền của ông K xác định ông K cũng có lỗi trong việc xây dựng nhà không xin phép, không cung cấp được giấy tờ chứng minh đất do Ủy ban nhân dân xã M giao quản lý, sử dụng nên rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông Trần Minh K khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại diện tích 64,1m² đất đã lấn, chiếm tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện

C, tỉnh An Giang (Vị trí và hình thể khu đất theo bản vẽ trích đo hiện trạng do Văn phòng Đ Chi nhánh C2 lập ngày 30/11/2023) theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Xác định chỉ còn khởi kiện yêu cầu hủy hình thức xử phạt chính là phạt tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) và hủy biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông Trần Minh K nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính là 2.197.714 đồng (*Hai triệu một trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm mười bốn đồng*) của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 61/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C;

+ Bà Lê Trần Minh H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C có công văn đề nghị xét xử vắng mặt không tham gia phiên tòa;

+ Ông Nguyễn Phước T2- Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Chợ M là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong việc giải quyết các vụ án hành chính của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng hành chính, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Luật tố tụng hành chính và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Căn cứ vào khoản 2 Điều 173 của Luật tố tụng hành chính đề đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh K do tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông K rút lại không khởi kiện đối với biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông Trần Minh K khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại diện tích 64,1m đất đã lấn, chiếm;

+ Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh K hủy hình thức xử phạt chính: Phạt tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 61/QĐ-XPHC ngày 18/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C;

+ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh K về việc yêu cầu tuyên hủy một phần về biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông Trần Minh K nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính là 2.197.714 đồng tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 61/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C;

+ Kiến nghị khắc phục đối với người bị kiện chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Điều 55, Điều 57 Luật tố tụng hành chính, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến, đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị để chấn chỉnh khắc phục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục khởi kiện: Ông Trần Minh K nộp đơn khởi kiện và tiền tạm ứng án phí sơ thẩm trong hạn luật định, đây là việc khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 61/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C được quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[1.2] Ông Trần Minh K ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim T đại diện theo giấy ủy quyền được Văn phòng C1, công chứng có số công chứng 629, quyền số 01/2024-SCC/ CK, DC, ngày 27/6/2024. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C do ông Cù Minh T1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là người đại diện theo pháp luật ủy quyền lại cho bà Lê Trần Minh H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đại diện theo Văn bản ủy quyền số 201/QĐ-UBND ngày 27/02/2024, thủ tục ủy quyền hợp lệ phù hợp theo quy định của pháp luật nên được Tòa án xem xét, chấp nhận.

[1.3] Bà Lê Trần Minh H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt ngày 02/4/2024. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện xin vắng mặt không tham dự phiên tòa là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện.

[1.4] Ông Nguyễn Phước T2 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 157 của Luật tố tụng hành chính để tiến hành xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện.

[1.5] Tại phiên tòa người khởi kiện xác định rút lại một phần đối với yêu cầu khởi kiện đối với biện pháp khắc phục hậu quả về việc buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại diện tích 64,1m² đất đã lấn, chiếm tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 61/QĐ-XPHC ngày 18/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. Hội đồng xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là sự tự nguyện phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 173 của Luật tố tụng hành chính nên đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh K tại đoạn thứ nhất điểm c khoản 6 Điều 1 về biện pháp khắc phục hậu quả của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 61/QĐ-XPHC ngày 18/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ông Trần Minh K có đơn yêu cầu khởi kiện vào ngày 30/01/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 61/QĐ-XPHC ngày 18/01/2024, ông K được tổng đạt quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 18/01/2024. Ông K gửi đơn khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính từ thời điểm quyền lợi của ông K bị xâm phạm đến ngày ông K khởi kiện là vẫn đảm bảo thời hiệu 01 năm nên yêu cầu khởi kiện của ông K vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về thẩm quyền:

[3.1] Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 61/QĐ-XPHC ngày 18/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là quyết định hành chính bị ông K khởi kiện, quyết định xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính. Do đó, Hội đồng xét xử xác định người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

[3.2] Đối tượng bị khởi kiện là Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 61/QĐ-XPHC ngày 18/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ký ban hành nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Nhận thấy, ngày 13 tháng 11 năm 2023, tại khu đất huyện C, tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân xã M đến khu đất của ông Trần Minh K và tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 06/BB-VPHC ngày 05/01/2024 trong lĩnh vực đất đai đối với ông Trần Minh K đã có hành vi vi phạm hành chính cụ thể hành vi sử dụng lấn, chiếm 64,1m² (đã xây dựng nhà diện tích 11,27m², ngang 1,67m, dài 6,75m, phần diện tích còn lại là đất trống đã rào lưới B40 xung quanh diện tích 52,83m²). Đối với phần diện tích 11,27m² đã được ông K cuốn nền bê tông vào năm 2002. Đến năm 2016, ông K thực hiện lợp mái tole, dựng vách tole trên phần nền đã cuốn diện tích 52,83m² đất trống đã được rào lưới B40 xung quanh.

[4.2] Ông K trình bày ông không được nhận biên bản vi phạm hành chính do Ủy ban nhân dân xã M lập ngày 13/11/2023. Phía người bị kiện có văn bản và cung cấp tài liệu chứng cứ thể hiện nội dung ông Trần Minh K có mặt nhưng không hợp tác, không ký và không nhận biên bản vi phạm hành chính. Ủy ban nhân dân xã M đã lập Biên bản vi phạm hành chính với sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn C (Trưởng ấp M) và ông Bùi Văn L (người dân địa phương, nghề nghiệp làm ruộng). Đồng thời, Ủy ban nhân dân xã M đã thực hiện niêm yết công khai và kết thúc công khai biên bản vi phạm hành chính tại nhà ông Trần Minh K và tại Văn phòng ấp M, thời gian niêm yết 07 ngày từ ngày 05/01/2024 đến hết ngày 11/01/2024 (có biên bản niêm yết và biên bản kết thúc niêm yết kèm theo)

[4.3] Đến ngày 15/01/2024, Ủy ban nhân dân xã M có Tờ trình số 73/TTr-UBND đã chuyển hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân huyện C ra quyết định xử phạt hành chính đối với ông Trần Minh K.

[4.3.1] Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 61/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 xử phạt vi phạm hành chính ông Trần Minh K đối với hành vi vi phạm hành chính lấn, chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn với diện tích $64,1\text{m}^2$ thuộc khu đất công (đất sân vận động M1) tờ bản đồ 45, thửa số 77, đất tọa lạc tại ấp M, xã M, hiện trạng do Văn Phòng Đ chi nhánh C2 lập ngày 30/11/2023), quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Ủy ban nhân dân xã M đã thực hiện tổng đạt quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

[4.3.2] Trong quá trình thụ lý, giải quyết đối với vụ án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân xã M các thông tin liên quan đến diện tích đất ông K bị xử phạt vi phạm hành chính do thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Lấn, chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn với diện tích $64,1\text{m}^2$ thuộc khu đất công (đất sân vận động M1), tờ bản đồ số 45, thửa số 77, đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. (Vị trí và hình thể khu đất theo bản vẽ trích đo hiện trạng do Văn phòng Đ Chi nhánh C2 lập ngày 30/11/2023) thì tại Công văn số 694/UBND của Ủy ban nhân dân xã M ngày 16/4/2024 v/v Phối hợp hoạt động, Ủy ban nhân dân xã M xác định ủy ban xã không có quyết định giao đất và không cho ông Trần Minh K thuê phần đất $64,1\text{m}^2$ thuộc khu đất sân vận động M1, tờ bản đồ số 45, thửa số 77. Đồng thời, Ủy ban nhân dân xã không tìm thấy hồ sơ lưu về việc ông K có nộp số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) cho Ủy ban nhân dân xã M. (Bút lục số 30)

[4.4] Bà T là người đại diện theo ủy quyền của ông K tại phiên tòa cũng xác định đối với diện tích đất xây dựng nhà và phần đất trồng đã rào lưới B40 xung quanh diện tích $64,1\text{m}^2$ thì ông K đồng ý giao trả lại cho Ủy ban nhân dân xã. Gia đình ông K có lỗi trong việc xây dựng nhà nhưng không xin phép, ông K được giao đất và có nộp 15.000.000 đồng cho Ủy ban nhân dân xã M thì hiện nay không còn giấy tờ hay tài liệu chứng cứ chứng minh gia đình ông K được giao đất. Mặc dù năm 2003, khi gia đình xin kê khai đối với diện tích đất thì được Ủy ban nhân dân xã M trả lời đây là đất công không cấp giấy được chờ có chủ trương sẽ thông báo để gia đình ông K kê khai cấp giấy đất.

[4.5] Biên bản vi phạm hành chính số 06/BB-VPHC ngày 05/01/2024 trong lĩnh vực đất đai đối với ông Trần Minh K đã có hành vi vi phạm hành chính, Hội đồng xét xử nhận thấy ngày Ủy ban nhân dân xã M phát hiện hành vi vi phạm hành chính vào lúc 14 giờ 30 phút, ngày 13 tháng 11 năm 2023, tại khu đất huyện C, tỉnh An Giang đã có hành vi sử dụng lấn, chiếm là $64,1\text{m}^2$ nhưng đến ngày 05/01/2024 mới lập Biên bản vi phạm hành chính do thực hiện vẽ hiện trạng khu đất Vị trí và hình thể khu đất theo bản vẽ trích đo hiện trạng do Văn

phòng Đ Chi nhánh C2 lập ngày 30/11/2023 theo quy định khoản 1 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định:

“...Trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ thì việc lập biên bản vi phạm hành chính được tiến hành ngay khi xác định được tổ chức, cá nhân vi phạm...”

Ủy ban nhân dân xã M căn cứ để chuyển thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân huyện C là phù hợp

[4.6] Hội đồng xét đối với việc ông Trần Minh K đã có hành vi vi phạm hành chính đã có hành vi sử dụng lấn, chiếm là 64,1m² (đã xây dựng nhà diện tích 11,27m², ngang 1,67m, dài 6,75m, phần diện tích còn lại là đất trống đã rào lưới B40 xung quanh diện tích 52,83m²). Đối với phần diện tích 11,27m² đã được ông K cuốn nền bê tông vào năm 2002. Đến năm 2016, ông K thực hiện lợp mái tole, dựng vách tole trên phần nền đã cuốn, diện tích 52,83m² đất trống đã được rào lưới B40 xung quanh vào năm 2016 thì tại Biên bản vi phạm hành chính số 06/BB-VPHC ngày 05/01/2024 có nêu và xác định thời gian ông K vi phạm là năm 2002 và năm 2016.

[4.6.1] Tại phiên tòa, bà T thừa nhận đối với diện tích đất bị Ủy ban nhân dân xã M lập biên bản thì đến nay vẫn còn hiện trạng chưa tháo dỡ, gia đình vẫn đang quản lý, sử dụng chờ thi công dự án thực hiện cũng hơn 02 năm thì gia đình ông K sẽ tháo dỡ trả lại đất. Hành vi lấn chiếm đất của ông K đến nay xác định vẫn còn chưa chấm dứt nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính:

“Điều 6. Thời hiệu xử lý vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được quy định như sau:

...

b) Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được quy định như sau:

Đối với vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm.

Đối với vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm;”

[4.6.2] Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành việc xử phạt 15.000.000 đồng ở hình phạt chính là phù hợp nên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu hủy điểm a khoản 6 Điều 1 về hình thức xử phạt chính: Phạt tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 61/QĐ-XPHC ngày 18/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C theo yêu cầu khởi kiện của ông K là không có cơ sở để chấp nhận.

[4.7] Đối với việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả tại đoạn 1 điểm c khoản 6 Điều 1 về biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông Trần Minh K khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại diện tích đất 64,1

m² đất đã lấn, chiếm tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (*Vị trí và hình thể khu đất theo bản vẽ trích đo hiện trạng do Văn phòng Đ chỉ nhánh C2 lập ngày 30/11/2023*) theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính Phủ là phù hợp

[4.7.1] Ông K đã có hành vi sử dụng, lấn chiếm đối với diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh A giao cho Ủy ban nhân dân xã M tại Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 22/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh A về việc giao đất công cho UBND xã M để quản lý. Qua đó, khu đất công (đất sân vận động M1) được Ủy ban nhân dân tỉnh A giao cho Ủy ban nhân dân xã M quản lý có tổng diện tích là 10.482,8m², thuộc tờ bản đồ 45, thửa số 77 tại ấp M, xã M. Khu đất này được quy hoạch làm đất cơ sở thể dục thể thao nên đối với hành vi phạm của ông K việc lấn chiếm là không đúng quy định nên theo khoản 2 Điều 66 Luật xử phạt vi phạm hành chính.

[4.7.2] Tại phiên tòa, bà T đại diện theo ủy quyền của ông K xác định việc quản lý, sử dụng đất không có quyết định giao đất hay giấy tờ, tài liệu chứng minh cho việc sử dụng đất, từ năm 2003 gia đình ông K đã biết khu đất đang ở là khu đất công do nhà nước quản lý không cho đăng ký kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà T thừa nhận có lỗi trong việc xây dựng nhà không có xin phép nên đồng ý chấp hành với việc buộc tháo dỡ một phần nhà và vật kiến trúc trên diện tích đất lấn chiếm đất công theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Đồng thời, xin rút lại không khởi kiện đối với việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả tại đoạn 1 điểm c khoản 6 Điều 1 của số 61/QĐ-XPHC ngày 18/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc buộc ông Trần Minh K khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại diện tích đất 64,1 m² đất đã lấn, chiếm nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử không xem xét, giải quyết.

[4.8] Đối với biện pháp khắc phục hậu quả tại đoạn thứ hai điểm c khoản 6 Điều 1 của Quyết định số 61/QĐ-XPHC ngày 18/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C: Buộc ông Trần Minh K nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính là 2.197.714 đồng (*Hai triệu một trăm chín mươi bảy ngàn bảy trăm mười bốn đồng*) theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính P và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ.

[4.8.1] Đối với căn cứ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C áp dụng để tính số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính đối với ông K là 2.197.714 đồng (*Hai triệu một trăm chín mươi bảy ngàn bảy trăm mười bốn đồng*) trên diện tích đất lấn chiếm chỉ có 64,1 m² là chưa chính xác, đất được ông K xây dựng một phần nhà ở không sử dụng với mục đích khác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ vào điều khoản của điểm d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính P và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ

tính là chưa phù hợp, căn cứ theo quy định này thì đối với hành vi của ông K được xác định từ năm 2002 và năm 2016 thì đối với việc nộp số lợi bất hợp pháp xảy ra trước ngày nghị định này có hiệu lực thì việc vi phạm có quy định xử phạt số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính mới được áp dụng:

“10. Việc nộp số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đã xảy ra trước ngày Nghị định số 91/2019/NĐ-CP có hiệu lực thì hành vi chỉ áp dụng đối với các hành vi vi phạm mà các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về đất đai trước đây (trước Nghị định số 91/2019/NĐ-CP) có quy định phải nộp số lợi bất hợp pháp. Thời gian xác định số lợi bất hợp pháp phải nộp chỉ tính từ khi Nghị định có quy định hành vi vi phạm phải nộp số lợi bất hợp pháp có hiệu lực thì hành vi hoặc tính từ ngày xảy ra vi phạm nếu vi phạm xảy ra sau ngày Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về đất đai đầu tiên có quy định phải nộp số lợi bất hợp pháp đã có hiệu lực. Việc xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.”.

[4.8.2] Hội đồng xét xử nhận thấy hình phạt bổ sung này không phù hợp theo quy định nên cần hủy đối với đoạn thứ hai điểm c khoản 6 Điều 1 về biện pháp khắc phục hậu quả tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 61/QĐ-XPHC ngày 18/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C

[4.8.3] Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 78, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính để chấp nhận một phần đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh K yêu cầu hủy đoạn thứ hai điểm c khoản 6 Điều 1 về biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông Trần Minh K nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính là 2.197.714 đồng của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 61/QĐ-XPHC ngày 18/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

[5] Đối với ý kiến của bà Nguyễn Thị Kim T đại diện cho người khởi kiện yêu cầu xem xét nội dung ông K đồng ý trả lại diện tích đất 64,1 m² là đất công đã lấn chiếm lại cho Ủy ban nhân dân xã M nhưng đề nghị xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông K đối với diện tích đất còn lại mà ông K đang sử dụng. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là thẩm quyền của cơ quan nhà nước về quản lý đất đai và nằm ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện của vụ án nên Hội đồng không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hành chính sơ thẩm:

[6.1] Yêu cầu khởi kiện của ông K được chấp nhận một phần nên ông K được nhận lại tiền án phí đã nộp theo quy định tại Điều 29 Luật tổ tụng hành chính và khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[6.2] Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Điều 29 Luật tổ tụng hành chính và khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Điều 27, Điều 29, Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 38, Điều 60, Điều 61, Điều 78, Điều 79, Điều 115, Điều 116, Điều 154, Điều 156, điểm d khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 164, khoản 2 Điều 173, Điều 191, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 195, khoản 2 Điều 196, Điều 204, Điều 206, Điều 211, Điều 212, Điều 213 Luật tổ tụng hành chính;

+ Điều 3, Điều 6, Điều 28, Điều 29, Điều 30, khoản 2 Điều 38, Điều 57, Điều 58, Điều 65, Điều 66, Điều 68, Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính;

+ Khoản 2 và điểm d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính P và khoản 32 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ.

+ Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ

+ Khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh K tại đoạn thứ nhất điểm c khoản 6 Điều 1 về biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông Trần Minh K khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại diện tích 64,1m đất đã lấn, chiếm tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (Vị trí và hình thể khu đất theo bản vẽ trích đo hiện trạng do Văn phòng Đ Chi nhánh C2 lập ngày 30/11/2023) theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 61/QĐ-XPHC ngày 18/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh K hủy điểm a khoản 6 Điều 1 về hình thức xử phạt chính: Phạt tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 61/QĐ-XPHC ngày 18/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh K về việc yêu cầu tuyên hủy một phần đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 61/QĐ-XPHC ngày 18/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C:

Hủy đoạn thứ hai điểm c khoản 6 Điều 1 của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 61/QĐ-XPHC ngày 18/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

huyện C về biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông Trần Minh K nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính là 2.197.714 đồng (*Hai triệu một trăm chín mươi bảy ngàn bảy trăm mười bốn đồng*) theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính P và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ.

4. Về án phí hành chính sơ thẩm:

4.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh An Giang.

4.2. Ông Trần Minh K được nhận lại số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0000186 ngày 01/3/2024 tiền tạm ứng án phí ông K đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu giải quyết theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- TAND cấp cao;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Ngọc Thúy